

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18-3-2020

V/v Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH – TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông K' My Na.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Chung

2. Bà Trần Thị Phúc

Thư ký phiên tòa: Bà Giáp Thị Thu Ly – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh tham gia phiên tòa :
Ông Phạm Duy Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh.
Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 181/2019/TLST-HNGĐ ngày 07-8-2019 về việc xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 05-02-2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020/QĐST-DS ngày 28-02-2020 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ka Th; sinh 1988.

Địa chỉ: Tổ 2 thôn 3, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Anh K' N; sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn 3, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã Hội Việt Nam- Chi nhánh Lâm Đồng- Phòng giao dịch D.

Địa chỉ: Số 770 Hùng Vương, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng ông Lưu Đình N- Phó giám đốc phòng giao dịch huyện D (Văn bản ủy quyền ngày 17-02-2020).

Chị Th, anh N có mặt, anh N đại diện theo ủy quyền ngân hàng chính sách xã hội phòng giao dịch D vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai và lời trình bày tại phiên tòa chị Thim trình bày:

Chị và anh N tự nguyện về chung sống từ năm 2004, đến năm 2006 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Thượng, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh N hay nhậu nhẹt, đập phá nhà cửa, thường xuyên chửi bới hàng xóm và đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Chị và anh N có 04 con chung tên K' Su N, sinh ngày 22-3-2005; Ka Th, sinh ngày 03-12-2007; Ka Su H, sinh ngày 21-5-2011 và K' Ns, sinh ngày 30-6-20017. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th, cháu Su H, cháu N đồng ý giao cháu Su N cho anh Nỗs trực tiếp nuôi dưỡng. Yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ.

Về tài sản: Tài sản chung: Không có.

Tài sản nợ chung: Nợ ngân hàng chính sách xã hội phòng giao dịch D số tiền 30.000.000đ; Nợ đại lý Kim A thôn 3, Tân Thượng số tiền 39.000.000đ; nợ đại lý ông Q thôn 3, Tân Th số tiền 32.530.000đ và nợ đại lý Chí T thôn 8, Tân Châu. Khi ly hôn số nợ trên chị và anh N cùng có trách nhiệm trả.

Tại phiên tòa chị Ka Th trình bày vợ chồng có cho chị Ka H ở thôn D, xã Đ, huyện D số tiền 10.000.000đ. Sau này chị H không trả sẽ khởi kiện sau.

Bị đơn anh N trình bày: Công nhận lời trình bày của chị Th về quan hệ hôn nhân, con chung như trên là đúng. Vợ chồng chung sống đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, Nguyên nhân do vợ chồng sống không hợp nhau, cãi nhau và đánh đập nhau, hiện đã sống ly thân. Nay anh xác định tình cảm vẫn còn, không đồng ý ly hôn với chị Th.

Về con chung: Anh và chị Th có 04 con chung tên K' Su N, sinh ngày 22-3-2005; Ka Th, sinh ngày 03-12-2007; Ka Su H, sinh ngày 21-5-2011 và K' N, sinh ngày 30-6-2017. Khi ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Su N, đồng ý giao cháu Th, cháu Su H và cháu N cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ.

Về tài sản: Tài sản chung: Không có. Tài sản riêng của ai người đó tự quản lý. Khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản cho vay chung như chị Th trình bày là đúng.

Tài sản nợ chung: Nợ ngân hàng chính sách xã hội phòng giao dịch D số tiền 30.000.000đ; Nợ đại lý Kim A thôn 3, Tân Th số tiền 39.000.000đ; nợ đại lý ông Q thôn 3, Tân Th số tiền 32.530.000đ và nợ đại lý chi T thôn 8, Tân Ch số tiền 25.300.000 và 750kg cà phê nhân. Khi ly hôn số nợ trên anh và chị Thim cùng có trách nhiệm trả.

Theo đơn đề nghị xin giải quyết vắng mặt ghi ngày 18-3-2020 của ngân hàng chính sách xã hội phòng giao dịch Di Linh trình bày: Hộ bà Ka Th có vay

vốn tại ngân hàng chính sách xã Hội phòng giao dịch D gày 15-4-2019 theo khế ước số 6600000715118772 thông qua ủy thác đoàn thanh niên xã Tân Th. Ngày 15-4-2019 ngân hàng giải ngân cho chị Ka Thi, anh K' N vay vốn diện hộ nghèo với số tiền 30.000.000đ, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất 6,6%/ năm, xác định đây là nợ chung của vợ chồng. Nay vợ chồng ly hôn yêu cầu vợ chồng cùng có trách nhiệm trả số tiền gốc 30.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 18-3-2020 là 16.274 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng có quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án, căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa ông Lưu Đình N đại diện theo ủy quyền người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam-Phòng giao dịch Di Linh vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh N tự nguyện về chung sống từ năm 2004, đến năm 2006 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, Nguyên nhân do anh N hay nhậu nhẹt, đập phá nhà cửa, thường xuyên chửi bới hàng xóm hiện vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn. Anh N xác định vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, hiện đã sống ly thân, xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, không đồng ý ly hôn nhưng tại phiên tòa đồng ý ly hôn, qua xác minh tại địa phương vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn hiện đã sống ly thân và tổ Hòa giải đã tiến hành hòa giải ở cơ sở nhưng không thành. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th và anh N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chị Th được ly hôn anh N là phù hợp.

[2] Về con chung: Chị Th và anh N có 04 con chung tên K' Su N, sinh ngày 22-3-2005; Ka Th, sinh ngày 03-12-2007; Ka Su H, sinh ngày 21-5-2011 và K' N, sinh ngày 30-6-20017. Khi ly hôn chị Th xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th, cháu Su H và cháu N đồng ý giao cháu Su N cho anh N trực tiếp nuôi

dưỡng. Yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ. Anh N đồng ý và cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Xét quyền lợi của con, để đảm bảo cuộc sống của các cháu, khả năng nuôi dưỡng con của mỗi bên công nhận sự thỏa thuận của các bên là phù hợp, căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung cháu Th, cháu Su H và cháu N cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Su N cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng và anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ là phù hợp.

[3] Về tài sản: Chị Th và anh N xác định vợ chồng không có tài sản chung. Khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết là phù hợp.

Tài sản nợ chung: Chị Th và anh N cùng xác định vợ chồng có nợ ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam- phòng giao dịch Di Linh số tiền 30.000.000đ; Nợ đại lý Kim A số tiền 39.000.000đ; nợ đại lý ông Q số tiền 32.530.000đ và nợ đại lý Chí T 25.300.000đ và 750kg cà phê nhân khô. Khi ly hôn số nợ trên chị Th và anh N thống nhất cùng có trách nhiệm trả.

Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam- phòng giao dịch Di Linh có đơn khởi kiện và xác định nợ ngân hàng chính sách xã hội là nợ chung của vợ chồng. Nay vợ chồng ly hôn yêu cầu cũng có trách nhiệm trả. Chị Th anh N xác định nợ chung và cũng có trách nhiệm trả cho ngân hàng, căn cứ Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự là phù hợp.

Các chủ nợ đại lý Kim A, đại lý ông Q và Chí T đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án nhưng không có ý kiến nên không đề cập giải quyết trong vụ án này là phù hợp.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Th, anh N trình bày tài sản cho vay chung không có. Tại phiên tòa trình bày vợ chồng có cho chị Ka H vay số tiền 10.000.000đ. Sau này chị H không trả sẽ khởi kiện sau. Xét ý kiến của đương sự là phù hợp nên không xem xét giải quyết trong vụ án này là phù hợp.

[4] Về án phí : Căn cứ Điều 144; Điều 147 của bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Chị Th và anh N phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Tuy nhiên do vợ chồng chị Th, anh N có sở nghèo nên được giảm 50% án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 266; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51; Điều 56; Điều 59; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ka Th được ly hôn anh K' N.

2. Về con chung:

- Giao các con chung tên Ka Th, sinh ngày 03-12-2007; Ka Su H, sinh ngày 21-5-2011 và K' N, sinh ngày 30-6-2017 cho chị Ka Th trực tiếp nuôi dưỡng.

-Giao con chung tên K' Su N, sinh ngày 22-3-2005 cho anh K' N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh K' N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản: - Chị Ka Th có trách nhiệm thanh toán trả cho ngân hàng chính sách xã Hội Việt Nam- phòng giao dịch Di Linh số tiền 15.008.137đ và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 19-3-2020 cho đến trả nợ xong theo hợp đồng tín dụng đã ký.

- Anh K' N có trách nhiệm thanh toán trả cho ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam- phòng giao dịch Di Linh số tiền 15.008.137đ và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 19-3-2020 cho đến trả nợ xong theo hợp đồng tín dụng đã ký

4. Về án phí: Chị Ka Th phải chịu 300.000đ án phí xin ly hôn và 375.000 án phí DSSST về phần trả nợ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0014359 ngày 07-8-2019 của chi cục Thi hành án dân sự huyện D Linh. Chị Th còn phải chịu 375.000đ.

Anh K' N phải chịu 300.000đ án phí phần cấp dưỡng định ký và 375.000đ án phí DSST về phần trả nợ.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay, đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng
- VKSND huyện Di Linh;
- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- Đương sự;
- UBND xã T.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

K' My Na

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH-LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào lúc 10 giờ 15 phút ngày 18 tháng 3 năm 2020, tại Phòng nghị án. Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án “Xin ly hôn” giữa chị Ka Thim với anh k’ Nôs

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông K’ My Na
- Các hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Chung; Bà Trần Thị Phúc.

NỘI DUNG

1- Ý kiến thành viên HĐ xét xử:

* Hội thẩm: Lê Thị Chung

- Về quan hệ tranh chấp: Xin ly hôn

- Về điều luật áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 144; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 51; Điều 56; Điều 59; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- **Nội dung xử:**

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Ka Thim được ly hôn anh K’ Nôs

+ Về con chung:

- Giao các con chung tên tên Ka Thiện, sinh ngày 03-12-2007; Ka Su Hin, sinh ngày 21- 5-2011 và K' Núys, sinh ngày 30-6-2017 cho chị Ka Thim trực tiếp nuôi dưỡng.

-Giao con chung cháu K' Su Ni, sinh ngày 22-3-2005 cho anh K' Nôs trực tiếp nuôi dưỡng. Anh K' Nôs cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

+ Về tài sản: - Chị Ka Thim có trách nhiệm thanh toán trả cho ngân hàng chính sách xã Hội Việt Nam- phòng giao dịch Di Linh số tiền 15.008.137đ

- Anh K' Nôs có trách nhiệm thanh toán trả cho ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam- phòng giao dịch Di Linh số tiền 15.008.137đ và tiếp tục chịu lãi kể từ ngày 19-3-2020 cho đến khi trả xong nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký.

+ Về án phí: Chị Thim và anh Nôs phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, tuy nhiên do có sở nghèo nên giảm 50% án phí.

*Hội Thẩm: Trần Thị Phúc

Thống nhất ý kiến HTND Chung.

*Thẩm phán: K' My Na

Thống nhất ý kiến các Hội thẩm nhân dân.

2- Biểu quyết: Hội đồng xét xử biểu quyết 3/3, đạt 100% về các nội dung sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Ka Thim được ly hôn anh K' Nôs.

-Về con chung: - Giao các con chung tên tên Ka Thiện, sinh ngày 03-12-2007; Ka Su Hin, sinh ngày 21- 5-2011 và K' Núys, sinh ngày 30-6-2017 cho chị Ka Thim trực tiếp nuôi dưỡng.

-Giao con chung cháu K' Su Ni, sinh ngày 22-3-2005 cho anh K' Nôs trực tiếp nuôi dưỡng. Anh K' Nôs cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

+ Về tài sản: - Chị Ka Thim có trách nhiệm thanh toán trả cho ngân hàng chính sách xã Hội Việt Nam- phòng giao dịch Di Linh số tiền 15.008.137đ và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 19-3-2020 cho đến trả nợ xong theo hợp đồng tín dụng đã ký.

- Anh K' Nôs có trách nhiệm thanh toán trả cho ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam- phòng giao dịch Di Linh số tiền 15.008.137đ và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 19-3-2020 cho đến trả nợ xong theo hợp đồng tín dụng đã ký.

-Về án phí: Chị Thim và anh Nôs phải chịu án phí DSST theo quy định, được miễn 50%.

Tuyên quyền và hướng dẫn thủ tục kháng cáo và thi hành án dân sự cho các đương sự. Biên bản kết thúc lúc 10 giờ 30 phút cùng ngày lập xong đọc lại cho mọi người cùng nghe công nhận đúng và cùng ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

